



**PHỤ LỤC
CÁC BIỂU MẪU**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

- I. Phiếu đề xuất nhiệm vụ thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia:
 1. **Biểu A1.1-PĐX**: Phiếu đề xuất đề tài, dự án.
 2. **Biểu A1.2-PĐX-BĐCN-LTCN**: Phiếu đề xuất đề tài, dự án thuộc nhóm nhiệm vụ xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ và nhóm nhiệm vụ xây dựng, triển khai thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ.
 3. **Biểu A1.3-PĐX-NVĐT**: Phiếu đề xuất đề tài, dự án thuộc nhóm nhiệm vụ đào tạo.
- II. Ý kiến nhận xét và đánh giá đề xuất đề tài, dự án thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia:
 4. **Biểu A2.1-PĐG**: Ý kiến nhận xét và đánh giá đề xuất đề tài, dự án.
 5. **Biểu A2.2-PĐG-BĐCN-LTCN**: Ý kiến nhận xét và đánh giá đề xuất đề tài, dự án thuộc nhóm nhiệm vụ xây dựng bản đồ công nghệ quốc gia và lộ trình đổi mới công nghệ, nhóm nhiệm vụ xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ.
 6. **Biểu A2.3-PĐG-NVĐT**: Ý kiến nhận xét và đánh giá đề xuất đề tài, dự án thuộc nhóm nhiệm vụ đào tạo.
- III. Mẫu thuyết minh đề tài, dự án thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia:
 7. **Biểu B1.1-TMĐT**: Thuyết minh đề tài.
 8. **Biểu B1.2-TMDA**: Thuyết minh dự án.
 9. **Biểu B1.3-TMNVĐT**: Thuyết minh đề tài, dự án thuộc nhóm nhiệm vụ đào tạo.
- IV. Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia và hướng dẫn báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ.
 10. **Biểu B2.1-PĐG-TMĐT**: Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài.
 11. **Biểu B2.2-PĐG-TMDA**: Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì dự án.
 12. **Biểu B2.3-PĐG-TMNVĐT**: Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án nhóm nhiệm vụ đào tạo.
 13. **Biểu B3-BCTH**: Hướng dẫn Báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ.

- V. Mẫu phiếu thực hiện nhiệm vụ khác triển khai định kỳ nhằm hỗ trợ phát triển đổi mới công nghệ thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia.
14. **Biểu C1-TMĐK:** Thuyết minh nhiệm vụ khác triển khai định kỳ nhằm hỗ trợ phát triển đổi mới công nghệ.
 15. **Biểu C2-BBTĐĐK:** Biên bản thẩm định nội dung và kinh phí nhiệm vụ khác triển khai định kỳ nhằm hỗ trợ phát triển đổi mới công nghệ.
 16. **Biểu C3-HĐ:** Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khác triển khai định kỳ nhằm hỗ trợ phát triển đổi mới công nghệ.
 17. **Biểu C4-BCKQ:** Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khác triển khai định kỳ nhằm hỗ trợ phát triển đổi mới công nghệ.
 18. **Biểu C5-BBNTĐK:** Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khác triển khai định kỳ nhằm hỗ trợ phát triển đổi mới công nghệ.
 19. **Biểu C6-TLHD:** Thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khác triển khai định kỳ nhằm hỗ trợ phát triển đổi mới công nghệ.

PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI, DỰ ÁN*
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

1. Tên đề tài, dự án:

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì, tổ chức phối hợp:

- Tổ chức cá nhân chủ trì:

- Tổ chức phối hợp: *(ghi rõ tên tổ chức phối hợp ở trong và ngoài nước nếu có)*

3. Thời gian thực hiện: *(ghi rõ thời gian bắt đầu - kết thúc)*

4. Giải trình về tính cấp thiết: *(cần nêu rõ một số điểm sau)*

4.1. Đáp ứng mục tiêu, nội dung của Chương trình tại Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 và tiêu chí tương ứng với đề tài/dự án theo quy định tại Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030;

4.2. Đóng góp, đáp ứng yêu cầu kinh tế, xã hội và mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ;

4.3. Tính khả thi về công nghệ, sản phẩm *(có tác động đến sự phát triển khoa học và công nghệ của lĩnh vực, ngành, địa phương, phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh; việc tổ chức thực hiện có ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội quốc gia/địa phương; tăng năng suất lao động);*

4.4. Tính khả thi về nguồn lực *(tổ chức chủ trì, phối hợp có đủ nguồn lực cần thiết về tài chính, cơ sở hạ tầng, có khả năng quản lý, phối hợp, kiểm soát và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ; có đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tham gia thực hiện đáp ứng yêu cầu về năng lực, trình độ để thực hiện nhiệm vụ).*

5. Mục tiêu:

- Mục tiêu về khoa học và công nghệ: *(tạo ra được các công nghệ, so sánh với các nước trong khu vực, thế giới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, ...).*

- Mục tiêu kinh tế - xã hội: *(tạo được ngành nghề mới, sản phẩm mới, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội quốc gia/địa phương,...).*

6. Nội dung thực hiện chủ yếu: *(nêu tóm tắt các nội dung chính và kế hoạch thực hiện, quy mô triển khai, phương án hợp tác giữa các đơn vị nghiên cứu trong và ngoài nước... để giải quyết mục tiêu đặt ra).*

7. Dự kiến sản phẩm: *(nêu các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chất lượng dự kiến của sản phẩm, so sánh với sản phẩm cùng loại của các nước trong khu vực và thế giới).*

- Mẫu (model, maket); Sản phẩm (là hàng hóa, có thể được tiêu thụ trên thị trường); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi; ...

- Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi;...

- Bài báo; tài liệu, sách chuyên khảo;....

8. Khả năng áp dụng: *(dự kiến ở đâu, quy mô triển khai, các căn cứ để triển khai...)*

9. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí:	triệu đồng, trong đó:
Từ nguồn ngân sách Nhà nước:	triệu đồng
Từ nguồn vốn của tổ chức đăng ký thực hiện (nếu có):	triệu đồng
Từ các nguồn khác (nếu có):	triệu đồng

10. Hiệu quả tác động:

10.1. Hiệu quả về khoa học và công nghệ: *(nêu tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nâng cao trình độ năng lực công nghệ, phát triển bền vững...)*

10.2. Hiệu quả về kinh tế - xã hội: *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế - xã hội trực tiếp và gián tiếp do kết quả nhiệm vụ đem lại gồm: tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, thay thế nhập khẩu, tăng tỷ lệ nội địa hóa tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....)*

11. Đề xuất kiến nghị khác:

12. Thông tin liên hệ: *(họ và tên, số điện thoại, địa chỉ email)*

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI, DỰ ÁN *
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

(Áp dụng cho nhóm nhiệm vụ xây dựng bản đồ công nghệ quốc gia, lộ trình đổi mới công nghệ và nhóm nhiệm vụ xây dựng, triển khai thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ)

1. Tên đề tài, dự án:

.....
.....

Thuộc một trong các nhóm nhiệm vụ sau (đánh dấu X vào ô tương ứng):

Với quy mô ngành, lĩnh vực:

1.1. Xây dựng bản đồ công nghệ cho các phân ngành thuộc ngành, lĩnh vực sản xuất các sản phẩm trọng điểm, sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia

1.2. Xây dựng lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ cho các phân ngành, ngành và lĩnh vực

1.3. Xây dựng hệ thống quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu bản đồ công nghệ

Với quy mô doanh nghiệp:

1.4. Xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì, tổ chức phối hợp:

- Tổ chức, cá nhân chủ trì:

- Tổ chức phối hợp *(ghi rõ tên tổ chức phối hợp ở trong và ngoài nước):*

3. Thời gian thực hiện: (ghi rõ thời gian bắt đầu - kết thúc)

4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ (): (cần nêu rõ một số điểm sau)**

4.1. Đáp ứng mục tiêu, nội dung của Chương trình tại Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 và Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030.

4.2. Đáp ứng nhu cầu đối với việc xây dựng bản đồ công nghệ quốc gia, lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ cho các phân ngành, ngành và lĩnh vực.

4.3. Tính khả thi về nguồn lực *(tổ chức chủ trì, phối hợp, có khả năng quản lý, phối hợp, kiểm soát và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ; có kinh nghiệm, có đội ngũ cán bộ và nguồn lực cần thiết để thực hiện nội dung nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu về nội dung, tiến độ tại mục 6).*

5. Mục tiêu: (Phù hợp với loại nhiệm vụ đăng ký tại mục 1).

6. Nội dung thực hiện chủ yếu ():** (nêu tóm tắt các nội dung chính, kế hoạch thực hiện; phạm vi, đối tượng triển khai; phương pháp tiếp cận và phương thức tổ chức thực hiện... để giải quyết mục tiêu đặt ra). Việc xây dựng các nội dung thực hiện đề nghị bám sát theo các hướng dẫn trong Quyết định số 3771/QĐ-BKHCN ngày 13/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Sổ tay Hướng dẫn xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ Tương ứng với loại nhiệm vụ đăng ký tại mục 1, cần thực hiện các nội dung sau:

Với quy mô ngành, lĩnh vực:

6.1. Xây dựng bản đồ công nghệ: Điều tra, đánh giá hiện trạng công nghệ và năng lực công nghệ; tổng hợp kết quả, đánh giá hiện trạng công nghệ ngành; xác định được hiện trạng công nghệ chính, công nghệ cốt lõi và công nghệ hỗ trợ theo các công nghệ nền, công nghệ nguồn, theo dòng, họ sản phẩm lớn; phân tích được thị trường của sản phẩm; đánh giá xu hướng nghiên cứu trên thế giới; nhận diện các thách thức và nhu cầu đổi mới công nghệ; tiến hành hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và xây dựng báo cáo đánh giá chi tiết theo các nội dung chính của bản đồ công nghệ.

6.2. Xây dựng lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ: lựa chọn các đối tượng sản phẩm ưu tiên dựa trên nhu cầu thị trường, xu hướng phát triển, chính sách hỗ trợ, đánh giá về các công nghệ liên quan; phân tích, đề xuất các công nghệ được sử dụng; phân tích đánh giá các yêu cầu (cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực...) và đưa ra chiến lược, giải pháp để phát triển các công nghệ cần thiết; phân tích được thị trường của sản phẩm; đánh giá xu hướng nghiên cứu trên thế giới; nhận diện các thách thức và nhu cầu đổi mới công nghệ; xây dựng lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ phù hợp với chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực.

6.3. Xây dựng hệ thống quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu bản đồ công nghệ: xây dựng hệ thống tiêu chí, chỉ tiêu, quy trình quản lý công nghệ; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu; thiết kế xây dựng hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu; tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu bản đồ công nghệ ngành, lĩnh vực vào hệ thống cơ sở dữ liệu bản đồ công nghệ quốc gia.

Với quy mô doanh nghiệp:

6.4. Xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ: đánh giá thị trường, quy mô, phân khúc thị trường; xác định sản phẩm chủ lực và kế hoạch phát triển sản phẩm ưu tiên; xác định các nguồn lực cần thiết để thực hiện lộ trình; xác định công nghệ quan trọng và xây dựng lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ; xây dựng kế hoạch triển khai, lập báo cáo đầu tư; (đối với các lộ trình có thời gian thực hiện dưới 24 tháng đề nghị bổ sung thêm các nội dung triển khai thực hiện lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ như sau: kết quả nghiên cứu và phát triển các công nghệ quan trọng, phát triển sản phẩm; đăng ký bảo hộ sản phẩm; sở hữu trí tuệ; thương mại hóa sản phẩm).

7. Dự kiến sản phẩm ():** (nêu được tính mới, chất lượng so với sản phẩm cùng loại hiện có tương ứng với loại nhiệm vụ đăng ký tại mục 1 và mục 6).

Với quy mô ngành, lĩnh vực:

- Cơ sở dữ liệu, phần mềm phục vụ quản lý; báo cáo đánh giá hiện trạng công nghệ; báo cáo tổng hợp bản đồ công nghệ; báo cáo xây dựng lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ.

- Bài báo; tài liệu, sách chuyên khảo.

Với quy mô doanh nghiệp:

- Báo cáo xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ; (đối với các lộ trình có thời gian thực hiện dưới 24 tháng đề nghị bổ sung các báo cáo kết quả triển khai thực hiện lộ trình công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ như sau: Báo cáo kết quả nghiên cứu và phát triển các công nghệ quan trọng, phát triển sản phẩm; Văn bản pháp luật xác nhận bảo hộ sản phẩm, sở hữu trí tuệ; Báo cáo kết quả thương mại hóa sản phẩm).

- Bài báo; tài liệu.

8. Khả năng áp dụng: (*ở đâu, quy mô triển khai, các căn cứ để triển khai...*)

9. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí:	triệu đồng, trong đó:
Từ nguồn ngân sách Nhà nước:	triệu đồng
Từ nguồn vốn của tổ chức đăng ký thực hiện (nếu có):	triệu đồng
Từ các nguồn khác (nếu có):	triệu đồng

10. Hiệu quả tác động:

10.1. Hiệu quả về khoa học và công nghệ: (*nêu tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh, tham gia việc bảo vệ môi trường, phát triển bền vững ..*).

10.2. Hiệu quả về kinh tế: (*phân tích rõ hiệu quả kinh tế trực tiếp và gián tiếp do kết quả nhiệm vụ đem lại gồm: làm lợi do thay thế nhập khẩu, tăng tỷ lệ nội địa hóa, thuê chuyên gia ... so với hiện tại, đối với doanh nghiệp kết quả xây dựng và triển khai lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ giúp tăng ít nhất 5% giá trị sản xuất, sản phẩm*).

10.3. Hiệu quả về xã hội: (*phân tích rõ hiệu quả kinh tế - xã hội trực tiếp và gián tiếp do nhiệm vụ đem lại*).

11. Đề xuất kiến nghị khác:

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(*Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức*)

* Trình bày không quá 10 trang giấy khổ A4

** Đề tài, dự án phải thể hiện được các tiêu chí sau:

1. Đối với đề tài xây dựng bản đồ công nghệ quốc gia và lộ trình đổi mới công nghệ đối với các lĩnh vực sản xuất các sản phẩm trọng điểm, sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia:

a) Tổ chức thực hiện có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến công nghệ thuộc các lĩnh vực sản xuất các sản phẩm trọng điểm, sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia, có uy tín, khả năng tập hợp và huy động được nguồn lực cùng tham gia;

b) Đối với đề tài xây dựng bản đồ công nghệ cần xác định được hiện trạng công nghệ chính, công nghệ cốt lõi và công nghệ hỗ trợ theo các công nghệ nền, công nghệ nguồn, theo dòng, họ sản phẩm lớn và so sánh hiện trạng công nghệ đó với trình độ công nghệ trên thế giới;

c) Xác định được mối liên hệ giữa công nghệ với sản phẩm - thị trường và xu hướng phát triển công nghệ ở trong nước cũng như trên thế giới;

d) Phục vụ công tác quản lý, hoạch định chiến lược phát triển công nghệ của Chính phủ, Bộ, ngành, lĩnh vực và doanh nghiệp.

2. Đối với đề tài, dự án xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp:

a) Mục tiêu đổi mới công nghệ phải phù hợp với kế hoạch phát triển doanh nghiệp và chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực;

b) Việc thực hiện lộ trình công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ phải góp phần tăng ít nhất 5% giá tăng giá trị sản xuất sản phẩm;

c) Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện phải đảm bảo huy động đủ nguồn lực để thực hiện lộ trình công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ; ưu tiên đối ứng bằng nguồn quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

d) Dự kiến được quy mô ứng dụng, phân khúc thị trường tiêu thụ rõ ràng.

PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI, DỰ ÁN*
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
(Áp dụng cho nhóm nhiệm vụ đào tạo)

1. Tên đề tài, dự án:

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì, tổ chức phối hợp:

- Tổ chức, cá nhân chủ trì:

- Tổ chức phối hợp: (ghi rõ tên tổ chức phối hợp ở trong và ngoài nước)

3. Thời gian thực hiện: (ghi rõ thời gian bắt đầu - kết thúc)

4. Giải trình về tính cấp thiết ():** (cần nêu rõ một số điểm sau)

4.1. Đáp ứng mục tiêu, nội dung của Chương trình tại Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 và Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030;

4.2. Xác định rõ đối tượng đào tạo và sự cần thiết đào tạo đối tượng này trong doanh nghiệp;

4.3. Đóng góp, đáp ứng yêu cầu kinh tế, xã hội và mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ;

4.4. Sản phẩm/chương trình đào tạo, bồi dưỡng (có tác động đến sự phát triển khoa học và công nghệ của lĩnh vực, ngành, địa phương, phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh; việc tổ chức thực hiện có ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội quốc gia/địa phương; giáo trình, tài liệu giảng dạy đảm bảo được tính hiện đại, cập nhật được trình độ công nghệ mới ở trong nước, khu vực và trên thế giới);

4.5. Tính khả thi về nguồn lực (tổ chức chủ trì, phối hợp có đủ nguồn lực cần thiết, có khả năng quản lý, phối hợp, kiểm soát và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ; có đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện đáp ứng yêu cầu về năng lực, trình độ để thực hiện nhiệm vụ).

5. Mục tiêu:

- Mục tiêu về khoa học và công nghệ: (xây dựng các chương trình bồi dưỡng, đào tạo phù hợp và bắt kịp với xu hướng công nghệ chung của thế giới; đào tạo được đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ thuật viên đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp trong thời đại Cách mạng 4.0, ...).

- Mục tiêu kinh tế - xã hội: (nâng cao năng suất lao động, góp phần kiến tạo được ngành nghề mới, sản phẩm mới, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội quốc gia/địa phương...).

6. Nội dung thực hiện chủ yếu ():** (nêu các nội dung chính và kế hoạch thực hiện, quy mô triển khai, phương án hợp tác giữa các đơn vị trường đại học, chuyên gia trong và ngoài nước... để giải quyết mục tiêu đặt ra; tìm kiếm, hợp tác quốc tế, xây dựng bộ tài liệu, giáo trình, khung chương trình đào tạo phù hợp với mục đích, nhu cầu thực tiễn của đối tượng được đào tạo; cập nhật xu hướng công nghệ mới, quản lý công nghệ, quản trị công nghệ).

7. Dự kiến chương trình/sản phẩm ():** (nêu các yêu cầu, chất lượng dự kiến của chương trình/ sản phẩm, so sánh với sản phẩm cùng loại hiện có trong và ngoài nước).

- Giáo trình/tài liệu giảng dạy;
- Giảng viên (Yêu cầu đối với giảng viên và khung nội dung bài giảng)
- Nền tảng/công cụ hỗ trợ cho triển khai đào tạo.
- Số lượng khoá học và dự kiến số lượng học viên tham dự (Quản lý/kỹ thuật viên)
- Báo cáo đánh giá chất lượng chương trình/sản phẩm do học viên hoặc doanh nghiệp xác nhận.
- Cam kết/hợp đồng đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp.
- Tài liệu tham khảo: Bài báo; tài liệu, sách chuyên khảo;....

8. Khả năng áp dụng: (dự kiến ở đâu, quy mô triển khai, các căn cứ để triển khai...)

9. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí:	triệu đồng, trong đó:
Từ nguồn ngân sách Nhà nước:	triệu đồng
Từ nguồn vốn của tổ chức đăng ký thực hiện (nếu có):	triệu đồng
Từ các nguồn khác (nếu có):	triệu đồng

10. Hiệu quả tác động:

10.1. Hiệu quả về khoa học và công nghệ: (hiệu quả đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, nâng cao năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp...).

10.2. Hiệu quả về kinh tế - xã hội: (phân tích rõ hiệu quả kinh tế - xã hội trực tiếp và gián tiếp do kết quả nhiệm vụ đem lại, ...).

11. Đề xuất kiến nghị khác:

12. Thông tin liên hệ: (họ và tên, số điện thoại, địa chỉ email)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

* Trình bày không quá 10 trang giấy khổ A4.

** Đề tài, dự án phải thể hiện được các tiêu chí sau:

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ đào tạo, có đội ngũ cán bộ, chuyên gia, cộng tác viên đủ năng lực đào tạo, tổ chức, doanh nghiệp; có kinh nghiệm về đào tạo và bồi dưỡng kiến thức thực tế cho doanh nghiệp về đổi mới công nghệ;

b) Tìm kiếm, hợp tác quốc tế, xây dựng được bộ tài liệu, giáo trình, khung chương trình đào tạo phù hợp với mục đích, nhu cầu thực tiễn của đối tượng được đào tạo;

c) Có đội ngũ chuyên gia đủ năng lực để đảm bảo tổ chức hiệu quả các khóa đào tạo và bồi dưỡng kiến thức về cập nhật xu hướng công nghệ mới, quản lý công nghệ, quản trị công nghệ,... cho cán bộ quản lý, đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên của doanh nghiệp.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

**ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA¹**

1. Tên đề tài, dự án:
2. Họ tên..... chức danh thành viên Hội đồng:.....
3. Quyết định thành lập Hội đồng số:/QĐ-BKHCN ngày ... /... /20... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Tiêu chí đánh giá	Chỉ tiêu đánh giá	Nội dung chỉ tiêu	Đánh giá (Đạt-ghi X)
1. Sự phù hợp về mục tiêu, nội dung của Chương trình	1. Mức độ phù hợp của đề tài/dự án	1.1. Kết quả của đề tài/dự án góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung của Chương trình	
		1.2. Tính cấp thiết và kết quả đề tài/dự án góp phần thực hiện các mục tiêu tăng trưởng của ngành, lĩnh vực và mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ	
2. Tính khả thi về công nghệ	2. Kết quả của đề tài/dự án	2.1. Đổi mới quy trình, cải tiến quy trình	
		2.2. Đổi mới sản phẩm, cải tiến sản phẩm	
3. Tính khả thi về thương mại	3. Tính khả thi về thị trường	3.1. Khả năng cạnh tranh của quy trình/sản phẩm	
		3.2. Khả năng phát triển thị trường của quy trình/sản phẩm	
4. Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp ²	4. Năng lực của tổ chức chủ trì, phối hợp	4.1. Kinh nghiệm quản lý sản xuất, đổi mới công nghệ	
		4.2. Nguồn tài chính và cơ sở hạ tầng	
	5. Năng lực của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ	5.1. Nguồn nhân lực của tổ chức chủ trì	
		5.2. Nguồn nhân lực của tổ chức phối hợp	
Tổng chỉ tiêu được đánh giá “Đạt”			.../10

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

¹ Đề tài, dự án có ít nhất 5/10 chỉ tiêu được đánh giá là “Đạt” mới đủ điều kiện để xem xét đề nghị thực hiện.

² Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp là cơ sở để xem xét giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện.

**Ý KIẾN NHẬN XÉT ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

1. Tên đề tài, dự án:
 2. Quyết định thành lập Hội đồng số:/QĐ-BKHCN ngày ... /... /20.... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
 3. Họ tên.....chức danh thành viên Hội đồng:.....
 4. Đánh giá của thành viên Hội đồng:
 - a) Sự phù hợp của nhiệm vụ so với các vấn đề khoa học và công nghệ, nhu cầu thực tiễn đặt ra hiện nay: *(Nếu chưa phù hợp cần chỉ rõ những điểm chưa phù hợp và phương án chỉnh sửa)*
.....
 - b) Sự phù hợp của đề tài, dự án đáp ứng với yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030, nguyên tắc theo quy định tại Điều 4 và tiêu chí tương ứng với đề tài/dự án theo quy định tại Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030: *(Nếu chưa đáp ứng cần chỉ rõ phương án chỉnh sửa)*
.....
 - c) Sự phù hợp của tên, định hướng mục tiêu và yêu cầu sản phẩm đối với đề tài và tên, mục tiêu, yêu cầu về các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với sản phẩm là công nghệ: *(Nếu chưa đáp ứng cần chỉ rõ phương án chỉnh sửa)*
.....
 - d) Tính khả thi về thương mại, thị trường hoặc ứng dụng của sản phẩm: *(Nếu chưa đáp ứng cần chỉ rõ phương án chỉnh sửa)*
.....
 - e) Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì và đề xuất phương thức lựa chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện (tuyển chọn/giao trực tiếp):
.....
 - g) Ý kiến khác:
- Kiến nghị của thành viên Hội đồng:** (đánh dấu X vào 1 trong 2 ô dưới đây)
- Đề nghị thực hiện:
 - Đề nghị không thực hiện:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

**ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA¹**

(Áp dụng cho nhóm nhiệm vụ xây dựng bản đồ công nghệ quốc gia, lộ trình đổi mới công nghệ và nhóm nhiệm vụ xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ)

1. Tên đề tài, dự án:
2. Họ và tên: chức danh thành viên Hội đồng:
3. Quyết định thành lập Hội đồng số:/QĐ-BKHCN ngày ... /... /202... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tiêu chí đánh giá	Chỉ tiêu đánh giá	Nội dung chỉ tiêu	Đánh giá (Đạt-ghi X)
1. Sự phù hợp với mục tiêu, nội dung của Chương trình	1. Mức độ phù hợp của đề tài/dự án	1.1. Kết quả của đề tài/dự án góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung của Chương trình	
		1.2. Tính cấp thiết và kết quả đề tài/dự án góp phần thực hiện các mục tiêu tăng trưởng của ngành, lĩnh vực và mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ	
2. Tính khoa học, thực tiễn	2. Mức độ phù hợp, khả thi của thiết kế đề tài/dự án	2.1. Sự phù hợp về mục tiêu, nội dung, phương thức thực hiện, dự kiến sản phẩm đối với đề tài/dự án	
		2.2. Phạm vi, đối tượng triển khai; nội dung, kế hoạch thực hiện; phương pháp tiếp cận và phương thức tổ chức thực hiện đề tài/dự án	
3. Khả năng, hiệu quả ứng dụng	3. Chất lượng sản phẩm và khả năng ứng dụng	3.1. Xác định được hiện trạng công nghệ ngành/lĩnh vực cần đánh giá; mối liên hệ giữa công nghệ sản xuất với sản phẩm được tạo ra; thị trường của sản phẩm và xu hướng phát triển của sản phẩm, công nghệ	
		3.2. Khả năng phục vụ công tác quản lý, hoạch định chiến lược phát triển công nghệ của Chính phủ, Bộ, ngành, lĩnh vực và doanh nghiệp	
4. Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp	4. Năng lực của tổ chức chủ trì, phối hợp	4.1. Kinh nghiệm quản lý, khả năng phối hợp, kiểm soát và giám sát việc thực hiện đề tài/dự án; Có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến công nghệ thuộc các lĩnh vực sản xuất các sản phẩm trọng điểm, sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia	
	5. Năng lực đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ	4.2. Nguồn lực tài chính và cơ sở hạ tầng 5.1. Nguồn nhân lực của tổ chức chủ trì 5.2. Nguồn nhân lực của tổ chức phối hợp	
Tổng chỉ tiêu được đánh giá “Đạt”			.../10

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

¹ Đề tài, dự án có ít nhất 5/10 chỉ tiêu được đánh giá là “Đạt” mới đủ điều kiện để xem xét đề nghị thực hiện.

² Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp là cơ sở để xem xét lựa chọn tổ chức, cá nhân giao trực tiếp chủ trì thực hiện

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

**Ý KIẾN NHẬN XÉT ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

(Áp dụng cho nhóm nhiệm vụ xây dựng bản đồ công nghệ quốc gia, lộ trình đổi mới công nghệ và nhóm nhiệm vụ xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ)

1. Tên đề tài, dự án:.....
2. Quyết định thành lập Hội đồng số:../QĐ-BKHCN ngày ../.../202... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
3. Họ tên và chức danh thành viên Hội đồng:

4. Đánh giá của thành viên Hội đồng:

a) Sự phù hợp của đề tài, dự án đáp ứng các yêu cầu thực tiễn: *(Nếu chưa phù hợp cần chỉ rõ những điểm chưa phù hợp và phương án khắc phục)*

.....

b) Sự phù hợp của đề tài, dự án đáp ứng với yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030, nguyên tắc theo quy định tại Điều 4 Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030: *(Nếu chưa đáp ứng cần chỉ rõ phương án chỉnh sửa)*

.....

c) Sự phù hợp của tên, mục tiêu, nội dung, phương thức thực hiện, dự kiến sản phẩm với loại nhiệm vụ đăng ký tại mục 1 của Phiếu đề xuất nhiệm vụ và bám sát theo các hướng dẫn trong Quyết định số 3771/QĐ-BKHCN ngày 13/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Sổ tay Hướng dẫn xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ: *(Nếu chưa đáp ứng cần chỉ rõ phương án chỉnh sửa)*

.....

d) Sự hợp lý của việc đặt các chỉ tiêu, yêu cầu đối với sản phẩm: *(Nếu chưa đáp ứng cần chỉ rõ phương án chỉnh sửa)*

.....

e) Sự phù hợp, năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì và đề xuất phương thức lựa chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện (tuyển chọn/giao trực tiếp):

.....

Kiến nghị của thành viên Hội đồng: (đánh dấu X vào 1 trong 2 ô dưới đây)

- Đề nghị thực hiện:

- Đề nghị không thực hiện:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

**ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA¹**
(Áp dụng cho nhóm nhiệm vụ đào tạo)

1. Tên đề tài, dự án:
2. Họ tên: chức danh thành viên Hội đồng:
3. Quyết định thành lập Hội đồng số:/QĐ-BKHCN ngày ... /... /202... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tiêu chí đánh giá	Chỉ tiêu đánh giá	Nội dung chỉ tiêu	Đánh giá (Đạt-ghi X)
1. Sự phù hợp với mục tiêu, nội dung của Chương trình	1. Mức độ phù hợp của đề tài/dự án	1.1. Kết quả của đề tài/dự án góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung của Chương trình và nhóm nhiệm vụ đào tạo thuộc Chương trình	
		1.2. Có tính cấp thiết, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nhu cầu đối với sự phát triển, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp	
2. Tính khoa học, thực tiễn	2. Mức độ phù hợp, khả thi của thiết kế đề tài/dự án	2.1. Sự phù hợp về mục tiêu, nội dung, phương thức thực hiện, dự kiến sản phẩm đối với đề tài/dự án	
		2.2. Phạm vi, đối tượng triển khai; nội dung, kế hoạch thực hiện; phương pháp tiếp cận và phương thức tổ chức thực hiện đề tài/dự án	
3. Hiệu quả và khả năng áp dụng	3. Chất lượng sản phẩm và khả năng áp dụng	3.1. Sự hợp lý của việc đặt các chỉ tiêu, yêu cầu đối với sản phẩm; Tính mới, sự phù hợp của sản phẩm đối với phân loại đối tượng đào tạo	
		3.2. Phù hợp, khả thi để áp dụng, triển khai; quy mô triển khai của sản phẩm	
4. Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp ²	4. Năng lực của tổ chức chủ trì, phối hợp	4.1. Kinh nghiệm quản lý, khả năng phối hợp, kiểm soát và giám sát việc thực hiện đề tài/dự án	
		4.2. Nguồn lực tài chính và cơ sở hạ tầng	
	5. Năng lực của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ	5.1. Nguồn nhân lực của tổ chức chủ trì	
		5.2. Khả năng hợp tác với các tổ chức đào tạo, doanh nghiệp thực hiện đề tài/dự án	
Tổng chỉ tiêu được đánh giá “Đạt”		/10

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

¹ Đề tài, dự án có ít nhất 5/10 chỉ tiêu được đánh giá là “Đạt” mới đủ điều kiện để xem xét đề nghị thực hiện.

² Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì là cơ sở để xem xét lựa chọn tổ chức, cá nhân giao trực tiếp chủ trì thực hiện.

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

**Ý KIẾN NHẬN XÉT ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**
(Áp dụng cho nhóm nhiệm vụ đào tạo)

1. Tên đề tài, dự án:
2. Quyết định thành lập Hội đồng số: .../QĐ-BKHCN ngày .../.../ 20... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
3. Họ tên: chức danh thành viên Hội đồng:
4. Đánh giá của thành viên Hội đồng:
 - a) Sự phù hợp của đề tài, dự án đáp ứng các yêu cầu thực tiễn: *(Nếu chưa phù hợp cần chỉ rõ những điểm chưa phù hợp và phương án khắc phục)*
.....
 - b) Sự phù hợp của đề tài, dự án đáp ứng với yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030, nguyên tắc theo quy định tại Điều 4 Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030: *(Nếu chưa đáp ứng cần chỉ rõ phương án chỉnh sửa)*
.....
 - c) Sự phù hợp của tên, mục tiêu, nội dung, phương thức thực hiện, dự kiến sản phẩm: *(Nếu chưa đáp ứng cần chỉ rõ phương án chỉnh sửa)*
.....
 - d) Sự hợp lý của việc đặt các chỉ tiêu, yêu cầu đối với sản phẩm: *(Nếu chưa đáp ứng cần chỉ rõ phương án chỉnh sửa)*
.....
 - e) Sự phù hợp, năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì và đề xuất phương thức lựa chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện (tuyển chọn/giao trực tiếp):
.....

Kiến nghị của thành viên Hội đồng: (đánh dấu X vào 1 trong 2 ô dưới đây)

- Đề nghị thực hiện:

- Đề nghị không thực hiện:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1	Tên đề tài:								
2	Mã số: (do đơn vị quản lý ghi)								
3	Thời gian thực hiện: tháng (Từ tháng...../20....đến tháng...../20....)								
4	Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng, trong đó:								
	<table border="1"><thead><tr><th><i>Nguồn</i></th><th><i>Kinh phí (triệu đồng)</i></th></tr></thead><tbody><tr><td>- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học</td><td></td></tr><tr><td>- Từ nguồn tự có của tổ chức</td><td></td></tr><tr><td>- Từ nguồn khác</td><td></td></tr></tbody></table>	<i>Nguồn</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học		- Từ nguồn tự có của tổ chức		- Từ nguồn khác	
<i>Nguồn</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>								
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học									
- Từ nguồn tự có của tổ chức									
- Từ nguồn khác									
5	Phương thức khoán chi:								
	<input type="checkbox"/> Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng								
	<input type="checkbox"/> Khoán chi từng phần, trong đó:								
	- <i>Kinh phí khoán:</i> triệu đồng								
	- <i>Kinh phí không khoán:</i> triệu đồng								
6	Chủ nhiệm đề tài:								
	Họ và tên:.....								
	Ngày, tháng, năm sinh: Nam/ Nữ:								
	Học hàm, học vị:.....								
	Chức danh khoa học: Chức vụ:.....								
	Tên tổ chức đang công tác:.....								
	Điện thoại:..... E-mail:								
	Địa chỉ tổ chức:.....								
7	Thư ký đề tài:								
	Họ và tên:.....								
	Ngày, tháng, năm sinh: Nam/ Nữ:								
	Học hàm, học vị:								
	Chức danh khoa học: Chức vụ:								
	Tên tổ chức đang công tác:.....								
	Điện thoại:..... E-mail:								
	Địa chỉ tổ chức:								
8	Tổ chức chủ trì đề tài¹								
	Tên tổ chức chủ trì đề tài:								
	Điện thoại:..... E-mail:								

¹ Tổ chức chủ trì đăng ký chủ trì đề tài là tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài.

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Số tài khoản:

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:

9 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)

1. **Tổ chức 1:**

Tên cơ quan chủ quản

Điện thoại:..... E-mail:

Địa chỉ:

2. **Tổ chức 2:**

Tên cơ quan chủ quản

Điện thoại:..... E-mail:

Địa chỉ:

3.

10 Các cán bộ thực hiện đề tài

(Ghi những người có đóng góp khoa học và thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ lập danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

Số TT	Họ và tên, học hàm học vị	Chức danh thực hiện đề tài ²	Tổ chức công tác
1			
2			
3			
...			
...			

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

11 Mục tiêu của đề tài *(Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng - nếu có hoặc đề xuất nhiệm vụ đã được duyệt)*

.....

.....

12 Tình trạng đề tài

Mới Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

Kế tiếp nghiên cứu của người khác

13 Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài

² Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

13.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

Ngoài nước (Phân tích đánh giá được những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài)

.....

Trong nước (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)

.....

13.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận, thực tiễn và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài

(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài và những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu)

.....

14 Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan

(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài).

.....

15 Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai của đề tài và phương án thực hiện

(Liệt kê và mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu khoa học và phương án triển khai phù hợp để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó; những hoạt động để chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục - nếu có)

Nội dung 1: .

Công việc 1:.....

Công việc 2:.....

Nội dung 2:

Công việc 1:.....

Công việc 2:.....

16	Các hoạt động phục vụ nội dung của đề tài:				
<i>(Giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)</i>					
<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (<i>quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp</i>) - Khảo sát nước ngoài (<i>quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung</i>) - Suru tâm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (<i>các tài liệu chính</i>) - Hội thảo/toạ đàm khoa học (<i>số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu</i>) - Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài (<i>họ và tên, học hàm học vị, nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê, thời gian thực hiện, có kèm theo lý lịch khoa học của chuyên gia</i>) - Triển khai thực nghiệm - Tổ chức đào tạo, hướng dẫn, huấn luyện - Chuyển giao công nghệ, mua sáng chế - 					
17	Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng				
<i>(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của đề tài)</i>					
Cách tiếp cận:					
.....					
Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:					
.....					
18	Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu, cơ sở sản xuất trong nước				
<i>(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng-nếu có).</i>					
.....					
19	Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)				
<i>(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)</i>					
.....					
20	Tiến độ thực hiện:				
	Các nội dung, công việc thực hiện chính	Sản phẩm cần đạt	Thời gian thực hiện (số tháng)	Cơ quan, tổ chức thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nội dung 1				

	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				

III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

21	Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt (Liệt kê theo dạng sản phẩm) ²				
21.1. Dạng I: Mẫu (<i>model, maket</i>); Sản phẩm (<i>là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường</i>); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác;					
TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	Ghi chú (<i>quy mô, so với sản phẩm trên thế giới nếu có</i>)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
21.2. Dạng II: Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (<i>phương pháp, quy trình, mô hình,...</i>); Đề án, qui hoạch, kế hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác					
Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt		Ghi chú	
(1)	(2)	(3)		(4)	
21.3. Dạng III: Bài báo; Tài liệu phục vụ đào tạo (khung chương trình, chương trình, giáo trình, bài giảng, ...); Sách chuyên khảo và các sản phẩm là kết quả các đề tài thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia.					
Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
Kết quả tham gia đào tạo					
Số TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	

² Ghi kết quả tương ứng với đề tài đăng ký thực hiện

	Thạc sỹ			
	Tiến sỹ			
<p>Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, quyền tác giả, ...</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>				
22	Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu			
<p>22.1 Khả năng về thị trường (<i>Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường</i>)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>				
<p>22.2 Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh (<i>Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm</i>)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>				
<p>22.3 Khả năng liên doanh liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu, thực hiện</p> <p>.....</p> <p>.....</p>				
<p>22.4 Phương thức chuyển giao</p> <p>(<i>Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn-với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu- theo tỷ lệ đã thoả thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra...)</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>				
23	Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài			
<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>				
24	Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu			
<p>24.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan</p> <p>(<i>Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế</i>)</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>				

24.2 Đối với tổ chức chủ trì và các tổ chức, doanh nghiệp ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu

.....

.....

.....

24.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường

Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường; đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội và tác động đối với ngành, lĩnh vực sản xuất; Nâng cao năng lực KHCN của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài hoặc sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài

.....

.....

.....

25 Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài
(theo quy định tại nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước và các văn bản hiện hành)

25.1. Phương án trang bị tài sản (xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài (nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b,c,d)

b. Điều chuyển thiết bị máy móc

c. Thuê thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian thuê
1			
2			

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật
1		
2		

25.2. Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài (hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)

.....

.....

V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ
(Giải trình chi tiết xin xem phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

26	Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
Trả công lao động trực tiếp+ chuyên gia (nếu có)			Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ		
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng kinh phí						
	<i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách nhà nước:						
	a. Kinh phí khoán chi:						
	- Năm thứ nhất:						
	- Năm thứ hai:						
	b. Kinh phí không khoán chi:						
	- Năm thứ nhất:						
	- Năm thứ hai:						
2	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước						

....., Ngày.....tháng năm

Chủ nhiệm đề tài
(Họ tên và chữ ký)

....., Ngày.....tháng năm

Tổ chức chủ trì đề tài
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu – nếu có)

....., Ngày.....tháng năm

Đơn vị quản lý nhiệm vụ
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

....., Ngày.....tháng năm

Đơn vị quản lý kinh phí
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn												
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định	Năm thứ nhất (*)	Trong đó, khoản chi theo quy định	Năm thứ hai (*)	Trong đó, khoản chi theo quy định	Năm thứ ba (*)	Trong đó, khoản chi theo quy định	Tổng số	Năm thứ nhất(*)	Năm thứ hai(*)	Năm thứ ba (*)	
1	2	3	4=(6+8+10)	5=(7+9+11)	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Công lao động														
2	Thuê chuyên gia														
	- Trong nước														
	- Nước ngoài														
3	Nguyên, vật liệu, năng lượng														
4	Thiết bị, máy móc, phần mềm														
5	Xây dựng, sửa chữa nhỏ														
6	Chi khác														
	Tổng cộng														

(*) Kinh phí chi tiết theo năm (năm thứ nhất, năm thứ hai, ...) lập sau khi có Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

DỰ TOÁN CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc ¹	Chức danh nghiên cứu ²	Tổng số người thực hiện	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn) ³	Số ngày công quy đổi (Snc) ⁴	Tổng kinh phí (Tc)	Nguồn vốn						
							Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước			
							Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7=5x6xLcs ⁵	8	9	10	11	12	13	
1	Nghiên cứu tổng quan												
	1.1. Công việc 1:	Thư ký khoa học											
												
2	Đánh giá thực trạng												
	2.1. Công việc 1:												
												
.....												
7	Tổng kết, đánh giá												
	7.1. Công việc 1:												
												
Cộng:													

1. Dự toán theo 7 nội dung hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và phù hợp với thuyết minh.

2. Thành viên thực hiện phải là các cán bộ có tên tại mục 9 và phù hợp với nội dung thực hiện tại thuyết minh.

3. Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Hstcn được xác định và tính theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Snc theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Lcs Lương cơ sở do Nhà nước quy định; dự toán tiền công lao động đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chức danh	Tổng số ngày công quy đổi	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
			Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm đề tài/đề án			
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học			
3	Thành viên			
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ			
Cộng:				

3.2	...																
...	...																
4	Nước	m ³															
I.2	Công việc 2																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	...																
...	...																
4	Nước	m ³															
II	Nội dung 2																
II.1	Công việc 1																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	...																
...	...																
4	Nước	m ³															
...	...																
Cộng																	

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.

- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại Mục g Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trừ mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

NHU CẦU VỀ THIẾT BỊ MÁY MÓC

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn								
					Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
					Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
I	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài ³												
												
												
II	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến												
												
III	Khấu hao thiết bị ⁴												
VI	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)												
												
IV	Thiết bị công nghệ mua mới												
												
V	Vận chuyển lắp đặt												
VI	Bảo dưỡng, sửa chữa												
Cộng													

³ Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.⁴ Chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp.

5	<i>Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu</i>														
6	<i>Chi khác</i>														
	- Hội thảo (<i>định mức chi theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015</i>)														
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc														
	Dịch tài liệu (<i>định mức chi theo quy định hiện hành</i>)														
	Khác														
	Cộng:														

(Định mức chi theo quy định tại Khoản 5,6,7,8,9 Điều 7 thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước)